TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21**/DS- ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Minh**

Ông Nguyễn Việt Anh

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Trần Hải Minh**

Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Phương Thúy** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 57/2022/DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18 ngày 08 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Trụ sở tại; Số 22 phường T, quận K, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, Chức vụ: Chủ tích HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T- Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Pbank (theo hợp đồng ủy quyền số 10771/UQ. PVB ngày 10/6/2020)

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Quốc H, ông Nguyễn Chính H1, ông Nguyễn Quốc T1 (theo giấy Ủy quyền số: 3366/UQ- PVB ngày 22/02/2023(có mặt ông Hùng).

2. Bị đơn: Ông Bùi Quý H2- sinh năm 1976

HKTT: Tổ 4 phường M, quận H, Hà Nội(số nhà 91 ngõ 254, phường M, quận H, HN) (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:*

Anh Bùi Quý H3- sinh năm 1999

Chị Nguyễn Phương A- sinh năm 2001

Cháu Bùi Quý A1, sinh năm 2020(con anh H3, chị Phương A)

Cùng trú tại: Tổ 4 phường M, quận H, Hà Nội(ngõ 254 phường M, quận H, Hà Nội)(cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện, được bổ sung bởi các Bản tự khai, Biên bản công khai chứng cứ và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P do ông H đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 10/8/2016, Ngân hàng P- chi nhánh Hà Nội và ông Bùi Quý H2 đã thống nhất cùng ký Hợp đồng cho vay số 12/2016 với số tiền cho vay là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) thể hiện trong khế ước nhận nợ ngày 12/8/2016. Mục đích sử dụng tiền vay: vay tiêu dùng. Thời hạn vay 120 tháng; lãi suất: 12.0%/ năm; Mức lãi suất cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/ lần + biên độ tối thiểu 4.5%/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Bùi Quý H2 đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tổ 4 phường M, quận H, thành phố Hà Nội, tờ bản đồ số 5I-I-33 thửa đất số 1F(50+56) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AD 503266 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 23/3/2005, Hồ sơ gốc số: Q 0706-506/QĐ-Ub cấp cho ông Bùi Quý H2. Hợp đồng thế chấp có công chứng tại phòng công chứng Hai Bà Trưng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bùi Quý H2 mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng 16.800.000 đồng nợ gốc và 18.000.279 nợ lãi. Sau đó, ông H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông H2 không hợp tác trả nợ.

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn hiện hành, bằng đơn khởi kiện này Ngân hàng đề nghị Toà án nhân dân Quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội giải quyết:

- Buộc ông Bùi Quý H2 phải trả số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng đã ký (tạm tính đến hết ngày 07/6/2023) là: 1.126.620.334 đồng, trong đó nợ gốc là 483.200.000 đồng; lãi trong hạn: 265.742.224 đồng, lãi quá hạn: 377.678.110 đồng.

- Trong trường hợp ông Bùi Quý H2 không trả toàn bộ nợ gốc, lãi của hợp đồng cho vay trên, Ngân hàng đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tổ 4 phường M, quận H, thành phố Hà Nội, tờ bản đồ số 5I-I-33 thửa đất số 1F(50+56) theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ở số AD 503266 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 23/3/2005, Hồ sơ gốc số: Q 0706-506/QĐ-Ub cấp cho ông Bùi Quý H2.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Quý H2 đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì ông H2 còn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng tín dụng nào khác, không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Bùi Quý H2 thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng như trên, do sau khi vay, ông phải đi chấp hành án nên điều kiện kinh tế khó khăn đề nghị xem xét cho trả nợ gốc và miễn toàn bộ lãi.

3. Anh H3, chị Phương A, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho ai, không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như quan điểm đối với các yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn. Do vậy, Tòa án không có lời khai của những người này.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn giữ nguyên các cầu khởi kiện đối với bị đơn. Buộc ông Bùi Quý H2 phải trả số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 12/2016 ngày 10/8/2016 và khế ước nhận nợ ngày 12/8/2016, tính đến hết ngày 07/6/2023 là: 1.126.620.334 đồng.

Trong đó:

- Số tiền gốc: 483.200.000 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 265.742.224 đồng

- Số tiền lãi quá hạn: 377.678.110 đồng

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông H2 thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp ông H2 không trả toàn bộ nợ gốc, lãi của hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đề nghị kê biên tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tổ 4 phường M, quận H, thành phố Hà Nội, tờ bản đồ số 5I-I-33 thửa đất số 1F(50+56) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AD 503266 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 23/3/2005, Hồ sơ gốc số: Q 0706-506/QĐ-Ub cấp cho ông Bùi Quý H2

- Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Toà án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án bị chậm hơn so với thời hạn pháp luật quy định nhưng có lý do khách quan. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa các bên thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm các nghĩa vụ thanh toán nên phía nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án. Các yêu cầu của nguyên đơn đưa ra là chính đáng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền xét xử vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng được thực hiện giữa pháp nhân với cá nhân nên đây là vụ án dân sự. Bị đơn trong vụ án có địa chỉ hộ khẩu tại quận Hoàng Mai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H2, anh H3, chị Phương A. Tuy nhiên đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết cũng như các phiên tòa xét xử vụ án. Tòa án căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt những người này.

[2]- Về nội dung:

2. 1. Xét yêu cầu đòi nợ theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ của nguyên đơn :

Xét hợp đồng tín dụng số 12/2016 ngày 10/8/2016 cùng khế ước nhận nợ kèm theo thấy: Bên cho vay là Ngân hàng P - chi nhánh Hà Nội, bên vay là ông Bùi Quý H2 ký kết hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng

dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng trên và chỉ đề nghị xem xét miễn lãi và trả nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng tín dụng số: 12/2016 ngày 10/8/2016 cùng khế ước nhận nợ có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ bên vay chỉ thanh toán cho ngân hàng số tiền 16.800.000 đồng nợ gốc và 18.000.279 nợ lãi đồng tiền lãi sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo lịch trả nợ mà các bên đã thống nhất nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông H2 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là đúng quy định và được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho ai, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình nên Hội đồng xét xử xác định số tiền bị đơn còn nợ Ngân hàng theo trình bày của nguyên đơn. Tính đến hết ngày 07/6/2023 là: 1.126.620.334 đồng.

Trong đó:

- Số tiền gốc: 483.200.000 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 265.742.224 đồng
- Số tiền lãi quá hạn: 377.678.110 đồng

Kể từ ngày 08/6/2023, ông H2 còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, tương ứng với thời gian chậm trả.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp :

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông H2 đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tổ 4 phường M, quận H, thành phố Hà Nội, tờ bản đồ số 5I-I-33 thửa đất số 1F(50+56) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AD 503266 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 23/3/2005, Hồ sơ gốc số: Q 0706-506/QĐ-Ub cấp cho ông Bùi Quý H2 để thế chấp bảo đảm cho khoản vay trên.

Qua các tài liệu trong hồ sơ nhận thấy: nguồn gốc thửa đất là đất ở thổ cư nằm trong diện tích đất 481m2 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của

anh Bùi Quý H2. Ngày 20/8/2005, bà Ngoan họp gia đình thống nhất chia cho con trai là Anh Bùi Quý H2 sử dụng 57,7m2. Ngày 23/3/2005, Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Bùi Quý H2. Ông Bùi Quý H2 vừa là bên thế chấp đồng thời là người đang sử dụng đất.

Tài sản trên đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 10/8/2016; số công chứng 4032.2016; Quyển số: 04TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hai Bà Trưng; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Hoàng Mai theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 342, Bộ luật dân sự 2005, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Phía bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn theo quy định.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các điều 26, 35, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 281 và các điều 290, 302, 342, 348, 349, 350, 351, 355, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005

- Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ***Ngân hàng P*** đối với ông Bùi Quý H2.

Buộc ông Bùi Quý H2 phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 12/2016 ngày 10/8/2016 cùng khế ước nhận nợ kèm theo tính đến ngày 07/6/2023 như sau:

Tổng cộng: 1.126.620.334 đồng., trong đó nợ gốc là 483.200.000 đồng; lãi trong hạn: 265.742.224 đồng, lãi quá hạn: 377.678.110 đồng.

2. Kể từ ngày 08/5/2023, ông Bùi Quý H2 còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp ông Bùi Quý H2 không trả được nợ thị Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tổ 4 phường M, quận H, thành phố Hà Nội, tờ bản đồ số 5I-I-33 thửa đất số 1F(50+56) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AD 503266 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 23/3/2005, Hồ sơ gốc số: Q 0706-506/QĐ-Ub cấp cho ông Bùi Quý H2

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông H2 đối với NGân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì ông H2 còn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí: ông H2 phải chịu 45.798.610 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng P số tiền 17.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0050642 ngày 05/10/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc